TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Hà Thị Vinh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1989
- Bị đơn: Anh **Nhữ Công Đ**, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nhữ Công Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh Đ tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh Đ sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nhữ Công Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007, hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập nhưng anh Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, anh Nhữ Công Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn, nhưng hiện vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh Đ cư trú để anh Đ đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh Đ đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, chị Bùi Thị H và anh Nhữ Công Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh Đ tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị H và anh Đ sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Hiện vợ chồng chị H và anh Đ không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007, hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị H. Về tài sản chung, nợ chung của chị H, anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hộ khẩu thường trú, chị H, anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh Đ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, khi đi làm ăn anh Đ không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa phương không biết hiện anh Đ đang làm gì, ở đâu. Về thu nhập bình quân, chị H có thu nhập bình quân từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày, còn thu nhập của anh Đ địa phương không nắm được vì anh Đ đi làm ăn xa.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Nhữ Công Đ. Về con chung, chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007, hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nhữ Công Đ. Về con chung, giao cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị H xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Nhữ Công Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nhữ Công Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên chị H khởi kiện xin ly hôn với anh Đ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, anh Đ có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Địa phương cho biết, anh Đ đi làm ăn ở xa nhưng không báo địa chỉ mới nên Công an, địa phương cũng như gia đình không nắm được. Việc giao các tài liệu của Tòa án cho anh Đ không thể thực hiện được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi anh Đ cư trú để anh Đ đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Đ không đến Toà án tham gia tố tụng, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhữ Công Đ.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nhữ Công Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh Đ tại Thôn A, xã X, huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị H và anh Đ sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị H, anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nhữ Công Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007, hiện nay cháu Hoàng đang ở với chị H. Xét về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn và xét về điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung thì chị H và anh Đ có quyền, nghĩa vụ và điều kiện, hoàn cảnh như nhau. Nhưng hiện nay anh Đ đi làm ăn xa chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc được con chung như chị H, như vậy, anh Đ không đảm bảo điều kiện để nuôi con chung nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[**5**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí theo theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị H không phải chịu án phí.

[**6**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nhữ Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nhữ Công Hoàng, sinh ngày 17/11/2007 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nhữ Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004058, ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và anh Nhữ Công Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Xuân Vân (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trần Văn Ngọc - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn Xuân Thủy**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy